

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƠN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28- 02- 2020

Về việc: “Không công nhận vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƠN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hơn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hơn Quản tham gia phiên tòa :
Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hơn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị M – Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 7, xã Tân Hiệp, huyện Hơn Quản, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Từ Châu X – Sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 8, xã Tân Hiệp, huyện Hơn Quản, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019, bản tự khai ngày 16/12/2019, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Từ Châu X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hay cãi vã, không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Thị M yêu cầu tòa án tuyên bố chị Lê Thị M và anh Từ Châu X không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Từ Quốc D, sinh năm 2005, cả hai không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại chị M không mang thai. Khi tòa án không công nhận vợ chồng, chị M yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2019, bị đơn anh Từ Châu X trình bày:

Năm 2004 anh X và chị M tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân. Nay chị M yêu cầu tòa án không công nhận là vợ chồng thì anh X đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung như chị M trình bày. Khi tòa án không công nhận là vợ chồng anh X đề nghị chị M nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cần tuyên bố không công nhận chị Lê Thị M và anh Từ Châu X là vợ chồng. Về con chung giao con chung Từ Quốc D cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh X không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị tòa án không công nhận là vợ chồng đối với anh Từ Châu X, anh Từ Châu X có nơi cư trú tại xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị M, bị đơn anh Từ Châu X, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quán đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án viết bản trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự có viết bản tự khai và vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị M và anh Từ Châu X là hôn nhân không hợp pháp do các bên chung sống như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn, nên căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận chị Lê Thị M và anh Từ Châu X là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Từ Quốc D, sinh năm 2005, vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Khi ly hôn anh X đồng ý cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy chị M yêu cầu nuôi con chung và anh X cũng đồng ý, mặt khác cháu D có nguyện vọng sống với mẹ nên cần giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc chưa yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tài sản chung không có, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Lê Thị M chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố chị Lê Thị M và anh Từ Châu X không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Từ Quốc D - Sinh năm 2005 cho chị Lê Thị M nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị M chưa yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị M chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001752 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Văn Thanh